

THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI DÂN ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

Phạm Minh Hạc*, Phạm Thành Nghị**

Bài viết mô tả kinh nghiệm cải cách Đổi mới qua hai thập kỷ ở Việt Nam và xem xét những tác động của những cải cách này đối với nền kinh tế. Đồng thời, dựa trên những kết quả Điều tra Giá trị Thế giới và kết quả nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Con người ở Việt Nam tìm hiểu những định hướng của người dân đối với thị trường và những giá trị đánh dấu những cạnh tranh thị trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy một bức tranh toàn cảnh về mối tương quan giữa những thay đổi kinh tế và những giá trị chung ở Việt Nam và tác động của những quan hệ này trong quá trình phát triển.

Dân chủ hoá và phát triển kinh tế là hai xu hướng quan trọng nhất của hầu hết các nước đang phát triển trên thế giới. Việt Nam chính là một ví dụ cụ thể về một đất nước đang cố gắng chuyển đổi hệ thống kinh tế thông qua một loạt cải cách được chỉ đạo bởi Nhà nước trong 2 thập kỷ qua. Điểm quan trọng của chính sách Đổi mới được thực hiện ở Việt Nam từ năm 1986 chính là phát triển kinh tế thị trường và dân chủ hoá xã hội. Những cải cách này đã góp phần thay đổi nền kinh tế Việt Nam và có những ảnh hưởng tích cực đến chất lượng sống của người dân. Như vậy, Việt Nam chính là một minh chứng cụ thể về những tương quan của nền kinh tế thị trường ở một quốc gia đang phát

triển. Hơn nữa, Việt Nam cũng cho ta một cơ hội nghiên cứu độc đáo về một quốc gia đang phát triển nhanh chóng theo hướng thị trường hoá, đưa đến những phát triển kinh tế đáng kinh ngạc, tạo tiềm năng cho những cải cách về văn hóa chính trị - di sản quá khứ của một đất nước xã hội chủ nghĩa. Đây là trường hợp mà sự hòa hợp giữa thể chế và giá trị của công chúng vẫn còn là vấn đề trong một giai đoạn chuyển đổi xã hội quan trọng.

Lịch sử cải cách kinh tế của Việt Nam

Công cuộc cải cách Đổi mới của Việt Nam được bắt đầu từ nhận thức sâu rộng về những vấn đề tồn tại trong nền kinh tế của Việt Nam trong những năm 80 của thế kỷ XX, và sự cần thiết thiết lập lại hệ thống kinh tế để giải quyết những vấn đề này (Turley và Selden 1992, Hà Huy Thành 2000, Mai Ngọc Cường 2001). Vào đầu những năm 80, nền kinh tế Việt Nam được nhà nước

* GS.TSKH.; Viện Nghiên cứu Con người.

** PGS.TS.; Viện Nghiên cứu Con người.

Bài này đã đăng trong cuốn sách: Russell J. Dalton và Doh Chull Shin (chủ biên) Citizens, Democracy, and Markets around the Pacific Rim, Congruence Theory and Political culture New York: Oxford University Press, tr. 223-242.

quản lý bởi cơ chế tập trung. Chính sách Đổi mới có thể được tóm tắt một cách khái quát bằng những đường lối chỉ đạo sau: (1) Chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường với nhiều thành phần dưới sự chỉ đạo của nhà nước; (2) phát triển kinh tế cân đi đôi với phát triển văn hóa xã hội và bảo vệ môi trường; (3) dân chủ hóa đời sống xã hội, xây dựng một nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân; và (4) thực hiện chính sách mở cửa, hợp tác quốc tế với tinh thần “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các dân tộc trên thế giới vì hoà bình, độc lập và phát triển” (Đảng Cộng sản Việt Nam-CPV 1991).

Đối với Việt Nam- một đất nước với nền kinh tế và cơ sở kỹ thuật lạc hậu và phát triển xã hội vẫn còn ở mức độ thấp, bị chiến tranh tàn phá kéo dài và với nền kinh tế được quản lý tập trung, phát triển kinh tế thị trường là một mục tiêu lớn. Những cải cách và chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong một thời gian tương đối ngắn cũng đã thể hiện một sự thử nghiệm kinh tế sinh động của dân tộc. Bước vào thế kỷ XXI, Việt Nam chính thức tuyên bố mục tiêu xây dựng “nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” và nhận thức tiến trình này như một định hướng chiến lược bền vững (Nguyễn Phú Trọng 2003). Hiện nay những bộ phận hợp thành của nền kinh tế thị trường, như thị trường tư bản, thị trường bất động sản, thị trường lao động và những hợp phần khác đã được thiết lập. Ví dụ gần đây hai trung tâm chứng khoán đã mở ở Hà Nội và tp.Hồ Chí Minh đã đi vào hoạt động, thông qua đó đầu tư tư bản nhiều hơn cho phát triển kinh tế. Thị trường bất động sản được nhà nước kiểm soát và không lâu nữa những nhà đầu tư nội

địa và nước ngoài cũng sẽ tham gia vào hoạt động kinh doanh; những người tiêu dùng có cơ hội lựa chọn nhiều hơn cho những căn hộ tương lai của họ. Lực lượng lao động thường bị cấm trao đổi trên thị trường thì hiện nay đã trở thành đối tượng mua bán. Tất cả những cải cách này đã thể hiện tính tích cực. Quá trình dân chủ hóa trong đời sống kinh tế đã mang lại một thay đổi lớn, cả yếu tố tích cực lẫn tiêu cực.

Sau 18 năm (1986-2004) thực hiện chính sách cải cách, đất nước đã có nhiều thay đổi, đời sống nhân dân đã được cải thiện một cách đáng kể. GDP bình quân đầu người hàng năm là 206 USD năm 1990 đến năm 2004 đã tăng lên 423 USD. Nếu xét về sức mua tương đương (PPP), GDP bình quân đầu người của Việt Nam là tương đương 2.500 USD năm 2003, thể hiện một bước tiến lớn trong điều kiện sống. Báo cáo “Những mục tiêu Thiên niên kỷ: khép lại khoảng cách Thiên niên kỷ” được văn phòng Chương trình phát triển Liên hợp quốc ở Việt Nam xuất bản ngày 8 tháng 2 năm 2004 cho rằng Việt Nam đã đạt được những kết quả ấn tượng trong quá trình thực hiện những mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ. Đáng chú ý, tỷ lệ dưới mức nghèo đói giảm từ 70% giữa những năm 80 xuống 60% trong những năm 1990 và 29% trong năm 2002. Từ năm 1992 đến năm 2003, 20 triệu người thoát khỏi tình trạng đói nghèo.

Các điều kiện xã hội khác cũng đi theo quỹ đạo phát triển của nền kinh tế. Ví dụ, chỉ số phát triển giới (GDI) của Việt Nam đạt 0,687, xếp thứ 89 trong số 144 nước trên thế giới. Dân chủ hóa trong giáo dục cũng được thực hiện thành công ở Việt Nam từ năm 1945. Những thành tựu này đã mang lại sự tăng trưởng về chỉ số phát triển con người (HDI) ở Việt Nam.

Năm 1990, HDI của Việt Nam là 0,608; năm 2004, HDI của Việt Nam tăng lên 0,691 đứng thứ 112 trong số 177 nước (UNDP 2004).

Song song với những phát triển này, tỷ lệ biết chữ đã tăng từ 5% năm 1945 lên đến 94% năm 2000; tỷ lệ biết đọc biết viết của những người trong độ tuổi từ 6-25 tuổi đã tăng lên đến 96,7%. Phổ cập giáo dục tiểu học đã được hoàn thành từ năm 2000 và tiến tới đạt đến trình độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Số lượng học sinh trung học phổ thông trong độ tuổi là 55,1% (Phạm Minh Hạc 2001).

Có thể nói rằng những thành tựu đã đạt được trên đây là nhờ cải cách đổi mới, chính sách mở cửa và hội nhập, trong đó dân chủ hoá và thị trường hóa đóng một vai trò quan trọng. Không có cải cách thị trường thì không có khả năng đạt được nhiều thành tựu về kinh tế trong hai thập niên vừa qua và không có chính sách thích hợp của chính phủ thì cũng khó có khả năng đạt được những thành tựu về kinh tế. Trong một thời gian ngắn, điều kiện sống trung bình của người Việt Nam được thay đổi và quốc gia đã đạt được sự tiến bộ sâu sắc về kinh tế xã hội.

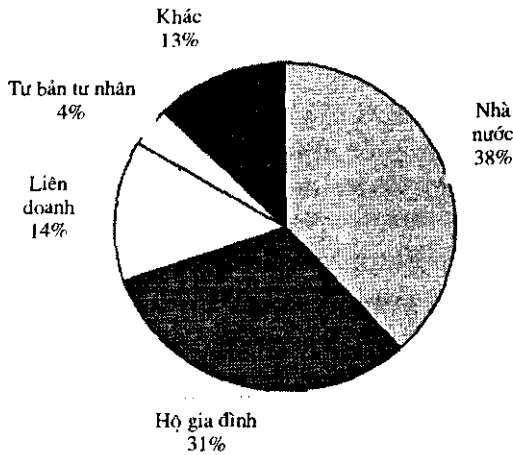
Bên cạnh những thành tựu này, Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức. Ví dụ khoảng cách giàu nghèo tăng từ 8 đến 20 lần trong một thời gian ngắn và cũng tăng lên giữa các tỉnh và thành phố khác nhau. Sự bất bình đẳng trong tiêu dùng được thể hiện qua chỉ số Gini tăng từ 0,33 năm 1993 lên đến 0,35 năm 1998 và 0,36 năm 2002 (Tổng cục Thống kê năm 2002b: 25). Chỉ số Gini về thu nhập là 0,42 và chi phí cho phi lương thực là 0,49¹. Cùng với sự chuyển

đổi sang nền kinh tế thị trường, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa đã kéo theo sự gia tăng dân số ở các thành phố. Trong 13 năm (1989-2002) dân số đô thị tăng 7,5 triệu người và cùng với nó là sự nghèo đói đã trở thành vấn đề nghiêm trọng ở các thành phố. Vốn xã hội của người nghèo có xu hướng giảm. (Nguyễn Thu Sa và Nguyễn Thị Mai Hương 2001; Nguyễn Hữu Minh và Nguyễn Xuân Mai năm 2005).

Để phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Chính phủ đã ban hành rất nhiều chính sách về đa dạng hóa các loại hình sở hữu và cố gắng giữ cho thị trường vận hành có điều tiết. Bên cạnh hình thức sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân cũng được công nhận và các thành phần của nền kinh tế tư bản cũng được phép hoạt động ở Việt Nam. Từ những năm đầu thế kỷ XXI, sáu hình thức sản xuất và các tổ chức kinh doanh đã được nhà nước chính thức công nhận bao gồm: (1) doanh nghiệp Nhà nước (2) Hợp tác xã (:); Kinh tế hộ gia đình; (4) Doanh nghiệp tư bản tư nhân (5) Doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp nước ngoài (Đảng Cộng Sản Việt Nam - 2001). Các doanh nghiệp Nhà nước giữ vai chủ đạo trong việc sản xuất hàng hoá và cung cấp các dịch vụ và đã đóng góp phần lớn vào GDP. Những đóng góp của thành phần kinh tế Nhà nước đã tăng từ 35% của GDP² trong những năm 1990-1995 lên 40% trong những năm 1995-2000. Sự đóng góp của các doanh nghiệp Nhà nước tăng lên là nhờ sự tăng cường các hoạt động trợ trợ các lĩnh vực như điện lực, viễn thông và tài chính. Nhưng sau đó sự đóng góp của thành phần kinh tế Nhà nước đã giảm do sự phát triển của các thành phần phi Nhà nước. Thành phần kinh tế Nhà nước chỉ đóng góp khoảng 38,3% của GDP năm 2003 (xem hình 1)

¹ Gini 0 thể hiện sự bình đẳng hoàn toàn, 1 thể hiện hoàn toàn không bình đẳng.

Hình 1: Những nguồn của GDP Việt Nam năm 2003



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2002).

Những đóng góp của kinh tế hộ gia đình đứng thứ hai với 31,4% của GDP. Loại hình này bao gồm sản xuất nông nghiệp gia đình và tiếp thị ở quy mô nhỏ. Thu nhập cá nhân là nguồn thu nhập quan trọng nhất của kinh tế hộ gia đình. Trong thời kỳ đầu, nền kinh tế thị trường hoạt động trên cơ sở kinh tế hộ gia đình với việc nông dân bán các sản phẩm của họ và các doanh nghiệp bán các sản phẩm ở thành phố.

Các công ty liên doanh và các công ty nước ngoài - loại hình doanh nghiệp hoạt động ở Việt Nam từ khi Việt Nam mở cửa giao lưu với bên ngoài và phát triển với tốc độ nhanh nhất so với các thành phần khác - đã đóng góp phần quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam với 13,9% GDP. Thành phần kinh tế tư bản tư nhân cũng đang lớn mạnh và có những đóng góp quan trọng đối với phát triển kinh tế nhưng cũng chỉ chiếm 3,9% GDP (Tổng cục thống kê 2003). Sự phát triển của các doanh nghiệp tư nhân của Việt Nam thấp hơn so với thành phần kinh tế tư

nhân ở các nước có nền kinh tế đang trong thời kỳ chuyển đổi phần nào phản ánh những hạn chế trong quá trình đăng ký hoạt động và đầu tư ở nước ta. Chính phủ yêu cầu rất nhiều thủ tục và giấy tờ đăng ký hoạt động kinh doanh trong những năm 90. So với doanh nghiệp Nhà nước, các công ty tư nhân đang hoạt động có ít cơ hội được tiếp cận với nguồn tín dụng (Friedman 2004). Các doanh nghiệp Nhà nước cũng được phép điều hành những lĩnh vực quan trọng mang tính chiến lược của nền kinh tế như là điện lực, viễn thông, mỏ vv... Những doanh nghiệp Nhà nước sản xuất các mặt hàng thông dụng được phép tư nhân hóa- nhưng điều này chỉ ở mức độ nhất định. Chính phủ tiếp tục cải cách các chính sách và tổ chức lại hoạt động của các doanh nghiệp Nhà nước nhằm tạo ra cạnh tranh tự do và để đạt được những cải thiện hiệu quả.

Từ năm 1986, Nhà nước công nhận các thành phần kinh tế khác nhau. Thị trường hàng hóa đã và đang phát triển ở vùng thành thị và vùng đông dân cư. Cơ chế thị trường được áp dụng trong các lĩnh vực như giá cả, tỷ giá hối đoái và việc này đã góp phần xoá bỏ sự can thiệp giá cả của Nhà nước. Hiện tại thị trường quyết định hầu hết các loại giá cả hàng hoá và dịch vụ ở Việt Nam. Nhập khẩu và xuất khẩu được thực hiện theo cơ chế thị trường.

Từ đầu những năm 90, thị trường tài chính bao gồm thị trường tiền tệ và thị trường vốn bắt đầu hoạt động. Chế độ thuế trước thời kỳ Đổi mới rất phức tạp, với hàng loạt phí và thuế ở các mức khác nhau. Vào cuối những năm 90, chế độ này đã có những đổi mới, đặc biệt là việc áp dụng thuế giá trị gia tăng vào năm 1998. Nhà nước đã ban hành trái phiếu có kỳ hạn thanh toán một năm

và sau đó là kỳ hạn 5 năm. Thị trường chứng khoán bắt đầu hoạt động từ tháng 8 năm 2000 nhưng quy mô của thị trường còn nhỏ. Hệ thống các ngân hàng thương mại cũng đi vào hoạt động với 6 ngân hàng Nhà nước, 51 ngân hàng cổ phần, 23 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 4 ngân hàng liên doanh và hàng nghìn quỹ tín dụng của nhân dân (Võ Đại Lực 2004).

Thị trường bất động sản không được công nhận cho tới tận đầu những năm 90 do vấn đề quyền sở hữu đất thuộc về Nhà nước. Quy định về chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ban hành trong Luật đất đai năm 1993 nhưng cho đến năm 2001 phần lớn khu vực đô thị chưa được Nhà nước cho phép thực hiện những quyền đó (Kim 2004). Mặc dù các quy định về quyền sở hữu tài sản vẫn chưa được hoàn thiện, người dân vẫn buôn bán bất động sản dưới nhiều hình thức sở hữu khác nhau và điều này đã hình thành một thị trường bất động sản phi pháp. Trong tình hình này, việc đòi hỏi về quyền sở hữu tư nhân có thể bị từ chối do tài liệu giấy tờ hợp lệ chưa đầy đủ. Sự hình thành thị trường bất động sản ở Việt Nam vẫn còn đối mặt với những khó khăn thậm chí cả sau khi Luật đất đai sửa đổi có hiệu lực ngày 1 tháng 7 năm 2004.

Thị trường lao động đã hình thành trên cơ sở lao động được xem như hàng hóa trao đổi. Tuy nhiên, lực lượng lao động có nhiều cản trở khi tiếp cận với thị trường lao động và chuyển đổi từ lĩnh vực này sang lĩnh vực khác hoặc trong cùng một lĩnh vực. Thông tin về thị trường lao động không được cập nhật thường xuyên và không được phổ biến rộng rãi để có thể huy động được lực lượng lao động. Môi trường tư pháp đã được cải thiện nhưng vẫn cần được hoàn

thiện hơn nữa. Luật về cạnh tranh và phá sản sắp được Quốc hội thông qua tạo hành lang pháp lý cho hoạt động kinh doanh.

Việt Nam kiên quyết thực hiện chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế với các nước và tích cực hội nhập với nền kinh tế thế giới. Luật đầu tư nước ngoài đã được ban hành và đang được sửa đổi theo hướng ưu tiên các nhà đầu tư nước ngoài. Quan hệ với các nước và các tổ chức quốc tế đã được mở rộng hơn. Việt Nam gia nhập ASEAN và tham gia APEC từ tháng 11 năm 1998, hiện tại đã trở thành thành viên của WTO. Quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ đã được bình thường hóa từ năm 1995 và hai nước đã ký Hiệp định Thương mại năm 2000. Ba tổ chức tài chính lớn nhất (Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển châu Á) đã quay trở lại giúp đỡ Việt Nam từ tháng 10 năm 1994. Buôn bán quốc tế đã phát triển nhanh chóng. Trong 12 năm từ 1990 đến 2001, giá trị xuất khẩu tăng gần 7 lần từ 2.404.000 USD lên 15.029.000 USD, giá trị nhập khẩu cũng tăng gần 6 lần, từ 2.752.000 USD đến 16.218.000 USD (Tổng cục Thống kê, 2003).

Sau hai thập kỷ chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường, Việt Nam đã đạt được những thành tựu khá ấn tượng. Tỷ lệ tăng trưởng trung bình đạt được khoảng 7% từ năm 1991 đến năm 2000. Có những thay đổi rất tích cực trong cơ cấu kinh tế. Sản xuất lương thực đóng góp vào GDP đã giảm xuống còn 19% vào năm 2003; công nghiệp và xây dựng thì tăng lên chiếm 40,5% GDP, các ngành dịch vụ chiếm khoảng 40,5%. Ngân hàng Thế giới, Chương trình phát triển của Liên Hiệp quốc, các tổ chức quốc

tế và các nước đều công nhận những thành tựu đã đạt được này.

Mặc dù vậy, kinh tế thị trường ở Việt Nam chưa phát triển đến mức có thể đáp ứng được những yêu cầu của thực tế. Khả năng cạnh tranh của hàng hóa và các dịch vụ của Việt Nam thấp hơn so với các nước láng giềng. Thị trường lao động và thị trường khoa học và công nghệ vẫn còn lạc hậu; tư nhân hóa vẫn chưa đạt được mức độ yêu cầu. Do đó, đầu ra của các sản phẩm đắt hơn so với giá trị thực của chúng. Trong thành phần kinh tế Nhà nước, ngành công nghiệp vẫn còn được bao cấp. Trong một vài lĩnh vực vẫn còn thiếu các quy định và thực hiện pháp luật. Tham nhũng được coi là tệ nạn xã hội vẫn còn rất phổ biến. Thêm vào đó bộ máy quan liêu và các thủ tục hành chính rất rườm rà đã nảy sinh nhiều cản trở cho tự do cạnh tranh và phát triển thị trường ở Việt Nam như đã được đề cập trong những văn bản chính thức.

Vì thế mục đích của bài viết này là mô tả thái độ của người dân Việt Nam đối với những thay đổi này. Trong khi điều kiện sống nhìn chung đã được cải thiện đáng kể thì đi cùng với nó là một số bất ổn và những thách thức đặt ra do yêu cầu của nền kinh tế mới. Rất nhiều người lớn lên trong một hệ thống kinh tế cũ giờ đây yêu cầu làm việc trong một trật tự kinh tế mới. Vậy người dân Việt Nam phản ứng như thế nào đối với những thay đổi này?

Nghiên cứu khảo sát ở Việt Nam

Những khảo sát về giá trị cộng đồng được tiến hành lần đầu tiên ở Việt Nam vào năm 1992 (Phạm Minh Hạc, 2001). Chương trình nghiên cứu cấp Nhà nước KX-07 với chủ đề "Phát triển con người là mục tiêu và động lực thúc đẩy phát

triển kinh tế – xã hội" (1991-1995) đã tiến hành những khảo sát về hệ thống giá trị, phạm vi giá trị, thước đo giá trị và định hướng giá trị.

Vào năm 2000-2001, Viện Nghiên cứu Con người tiến hành Điều tra Giá trị Thế giới (WVS) như là một phần của chương trình khảo sát diễn ra gần như trên phạm vi toàn cầu bằng phương pháp và một mẫu thống nhất. Các học giả của Việt Nam và Mỹ đã công bố những kết quả đầu tiên của khảo sát được tiến hành ở Việt Nam tại Hội thảo quốc tế về Điều tra Giá trị Thế giới được tổ chức tại Stellenbosch, Nam Phi vào tháng 10 năm 2001².

Kế thừa những thành công của KX-07 và Khảo sát Giá trị Thế giới 2001, đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước KX-05 (2001-2004) đã tiến hành khảo sát định hướng giá trị năm 2003 với sáu nhóm phỏng vấn¹. Đại học Glasgow, Scotland cũng đã chọn Viện Nghiên cứu Con người làm đơn vị tiến hành khảo sát về mở cửa và toàn cầu hóa ở Việt Nam trong một chương trình nghiên cứu có một phần tập trung vào vấn đề hội nhập vào thị trường thế giới.

Sự tham gia của các học giả Việt Nam vào WVS năm 2001 đã đánh dấu một bước ngoặt trong việc áp dụng những ý tưởng và những phương pháp mới vào việc nghiên cứu giá trị và tạo ra một lĩnh vực mới cho nghiên cứu khoa học xã hội của Việt Nam trong những năm gần đây. Việc tham gia này cũng cho thấy khả năng hội nhập của khoa học xã hội Việt Nam vào cộng đồng nghiên cứu quốc tế. Sự quan tâm của chúng tôi ở đây chính là việc đánh giá

² Sau đó được xuất bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt (Phạm Minh Hạc và Phạm Thành Nghị 2002, 2003; Dalton et al. 2002).

thái độ của quần chúng đối với nền kinh tế thị trường – một trong những nền tảng quyết định cho sự phát triển của đất nước dưới tác động của chính sách Đổi mới. Điều tra Giá trị Thế giới ở Việt Nam mang lại cho chúng ta nhiều thông tin để hiểu rõ hơn chính mình cũng như cung cấp những dữ liệu cho các học giả quốc tế để họ hiểu hơn về tình hình của Việt Nam.

Thái độ của công chúng đối với nền kinh tế thị trường ở Việt Nam

Mục tiêu của chúng tôi là phân tích thái độ của người dân Việt Nam đối với nền kinh tế thị trường. Trong một vài trường hợp, chúng tôi có so sánh Việt Nam với hai nước khác ở Đông Á (Trung Quốc và Nhật Bản) và hai nước ở Bắc Mỹ (Mỹ và Canada). Những bằng chứng được đưa ra ở đây lấy từ WVS tiến hành ở Việt Nam và những thống kê từ các nước khác trên thế giới trong giai đoạn 2000-2001. Ngoài ra, chúng tôi cũng phân tích các số liệu thu thập từ Chương trình nghiên cứu cấp Nhà nước KX-05 năm 2003 để củng cố thêm vào phân kết luận đưa ra từ WVS.

Sự chuyển đổi từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp đã tạo ra những thay đổi cơ bản trong cuộc sống vật chất cũng như tinh thần của người dân. Khảo sát năm 1993-1994 cho thấy đời sống kinh tế của người dân đã thay đổi đáng kể sau một số năm thực hiện công cuộc Đổi mới (Phạm Minh Hạc 2001). 39% số người được phỏng vấn nói rằng cuộc sống vật chất của họ đã thay đổi đáng kể, 24% cho rằng cuộc sống vật chất của họ đang bị giảm sút, và 34% cho rằng không có thay đổi đáng kể. WVS năm 2001 cũng cho những kết quả tương tự. 53% cho rằng họ thoả mãn với tình hình tài chính của họ. Chúng tôi hy

vọng con số này phản ánh những tiến bộ so với thập kỷ trước đó chứ không phải hoàn toàn phản ánh mức thu nhập của người dân trong thời điểm hiện nay ở Việt Nam. Tương tự, 64% hoàn toàn thoả mãn với cuộc sống hiện tại, điều này có xu hướng phản ánh những điều kiện cá nhân và cuộc sống gia đình chứ không chỉ là điều kiện kinh tế. Mức độ thoả mãn ở Việt Nam cao hơn so với mức người ta thường dự đoán dựa trên sự phát triển của nền kinh tế².

Đối với đời sống tinh thần, Chương trình KX-07 cho thấy những thay đổi tích cực trong cuộc sống của mỗi cá nhân và xã hội. Tiềm năng của con người đã được nuôi dưỡng và cụ thể hóa trong nguồn nhân lực. Người dân đánh giá cao những giá trị cơ bản của con người như hoà bình, ổn định, tình hữu nghị, sự hội nhập, độc lập dân tộc, tự do và những giá trị khác như quan hệ huyết thống, gia đình, cộng đồng, giáo dục, việc làm và những giá trị truyền thống. Nghiên cứu này cũng cho thấy một số giá trị thay đổi chính là sự phản ánh kết quả của quá trình Đổi mới: giá trị kinh tế được đánh giá cao hơn so với các giá trị khác; lợi ích của cá nhân và gia đình được đánh giá cao hơn lợi ích tập thể; những lợi ích trước mắt được chú trọng hơn những lợi ích lâu dài; có sự chuyển biến từ chỗ thụ động chờ đợi đến chỗ chủ động đối mặt với những khó khăn, và từ chấp nhận sự phân phối bình quân đến dám chấp nhận các mức độ thu nhập khác nhau dựa trên khả năng đóng góp của cá nhân (Phạm Minh Hạc, 2001).

Công cuộc cải cách kinh tế ở Việt Nam cũng đã giúp đất nước thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng và tạo động lực mới cho phát triển. Mặt khác, những cải cách này cũng đã mở rộng khoảng cách giàu nghèo và nảy sinh

nhiều vấn đề tiêu cực của xã hội. Về vấn đề này có hai thái độ khác nhau: một phía thì ủng hộ phát triển thị trường sâu rộng hơn nữa và phía còn lại thì ủng hộ sự kiểm soát nền kinh tế của Nhà nước. Kết quả của những cuộc khảo sát về giá trị được tiến hành ở Việt Nam từ năm 1993 đã chỉ ra rằng phần lớn những người được hỏi ủng hộ xu hướng thứ nhất. Không những giới học giả và công chức Nhà nước ủng hộ nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà công chúng nói chung cũng ủng hộ xu hướng này.

Những cuộc khảo sát giá trị ở Việt Nam cũng chỉ ra những thay đổi trong hệ thống giá trị và định hướng giá trị của người Việt Nam. Trong thời kỳ chuyển đổi từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp, từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường đã xuất hiện những giá trị mang tính chuyển đổi.

Thái độ đối với nền kinh tế thị trường

Câu hỏi đầu tiên được sử dụng theo mức thang 10 điểm hỏi về loại hình sở hữu tư nhân trong kinh doanh và công nghiệp (mức 10) đối lập lại với sở hữu Nhà nước (mức 1). Mặc dù cơ chế thị trường có tác động đến Việt Nam từ năm 1986 nhưng chúng tôi nhận thấy rằng thái độ của người Việt Nam đối với cơ chế thị trường tích cực hơn người Trung Quốc (chỉ số trung bình của Việt Nam là 5,6, chỉ số của Trung Quốc là 4,2). Phần lớn người Việt Nam nghiêng về sở hữu tư nhân (57% số người được hỏi ủng hộ sở hữu tư nhân). Thông thường người dân ở những nước xã hội chủ nghĩa này hay hoài nghi về thị trường hơn là những nước đã có nền kinh tế thị trường phát triển. Mặc dù vậy, nghiên cứu cho thấy sự chênh lệch

cũng không đáng kể. Ví dụ thái độ của người Nhật gần với người Việt Nam và người Trung Quốc hơn là với người Mỹ và người Canada. Thái độ đối với cạnh tranh tự do là một đặc điểm khác của định hướng thị trường.

Phần thứ hai giúp đánh giá được thái độ đối với sự cạnh tranh. Những ý kiến này có thể không giống nhau khi mà sự quan tâm về kinh tế của mọi người tập trung ở những lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế. Mặc dầu vậy, sự ủng hộ của Việt Nam đối với cạnh tranh (chỉ số trung bình là 7,2) cũng tương tự như ở Nhật Bản, Mỹ và Canada, trong khi mức độ ủng hộ của người Trung Quốc cao hơn hẳn.

Hai mục trên khi kết hợp lại sẽ cho thấy chỉ số ủng hộ đối với nền kinh tế thị trường (hình 2). Thật đáng ngạc nhiên khi những số liệu về việc ủng hộ đối với những quy định về sở hữu tư nhân ở các quốc gia châu Á - Thái Bình Dương là khá giống nhau. Hơn nữa, những tiến bộ trong việc phát triển hệ thống kinh tế dựa trên những Đổi mới của Việt Nam trong hai thập kỷ đã tạo điều kiện cho công chúng Việt Nam ủng hộ tích cực đối với những nguyên tắc của thị trường. Kết quả này phù hợp với những nghiên cứu trước đây về sự ủng hộ những nguyên tắc thị trường ở Việt Nam trong suốt thập kỷ 90. Ấn tượng hơn là những số liệu từ khảo sát giá trị năm 2003. Khi được hỏi liệu cuộc sống của người dân có tốt hơn trong nền kinh tế thị trường hay không thì 95% người dân Việt Nam đã đồng ý - một tỷ lệ cao nhất trong 44 quốc gia tham gia dự án này⁴. Rõ ràng, những tiến bộ của công cuộc Đổi mới trong những thập kỷ qua đã tạo ra điều kiện tốt cho nền kinh tế thị trường ở Việt Nam phát triển.